

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày 22 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hà

Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Mạnh Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên

Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên dự khuyết.

Ngày 22/9/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/TLST-HS ngày 20/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 08/9/2021 đối với bị cáo:

- Chu Văn Tr (tên gọi khác: Chu Văn Ch), sinh năm 1995, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn C, sinh năm 1970 và bà Tướng Thị V, sinh năm 1974; Vợ: Không; tiền sự: Không;

Tiền án: Có 04 tiền án,

Ngày 18/3/2016 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 7 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

Ngày 03/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Giá trị tài sản trộm cắp 230.500 đồng)

Ngày 02/2/2018 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Giá trị tài sản trộm cắp 571.000 đồng)

Ngày 31/3/2020 Tòa án nhân dân quận Th, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/4/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2021, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1978, trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lương Văn V, sinh năm 1987, trú tại: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 07/6/2021, Chu Văn Tr điều khiển xe mô tô BKS 22H2 – 8456 đến nhà anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1990 ở thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang chơi, nhưng khi đi gần đến nơi thì anh Đ gọi điện báo đi vắng, nên Tr không vào nhà anh Đ nữa mà tiếp tục đi theo đường tỉnh lộ 183, đến trung tâm xã XG rồi rẽ vào đường đi xã YH – BQ, khoảng 15 giờ cùng ngày Tr đi đến địa phận thôn Ch, xã Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang, Tr vào quán bán hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị D định mua nước uống nhưng khi thấy trong quán không có ai nên Tr nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tr tìm thấy 01 chiếc túi màu đen để ở trong ngăn tủ của quầy bán hàng, Tr mở túi và lấy toàn bộ số tiền trong túi ra rồi cho vào túi quần bên phải của mình sau đó Tr điều khiển xe máy đi theo hướng ra huyện BQ, khi đi đến đầu cầu M thuộc địa phận thôn Ch, xã Y, huyện QB, Tr dừng xe lấy số tiền vừa trộm cắp được ra kiểm đếm được tổng cộng 356.000 đồng, đều là tiền lẻ với nhiều mệnh giá khác nhau (20.000đ, 10.000^d, 5.000^d, 2.000^d, 1.000^d), đếm xong Tr cho tiền trộm cắp được vào ví rồi đi về nhà, chi tiêu cá nhân hết 311.000 đồng. Đến ngày 9/6/2021 khi Tr đến huyện BQ chơi thì bị công an huyện QB bắt tạm giữ và Tr giao nộp số tiền còn lại 45.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 309/KL-PC09 ngày 16/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang kết luận: "34 (ba mươi tư) tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật"

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 20/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Chu Văn Tr về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Chu Văn Tr từ 10 đến 12 tháng tù;

Về vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trùng khớp với lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QB, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện QB trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 07/6/2021, Chu Văn Tr vào nhà chị D ở thôn T, xã Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang để mua nước uống, quan sát thấy quán nhà chị D không có người nên Tr đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Tr tìm thấy 01 chiếc túi màu đen để ở trong ngăn tủ của quầy bán hàng, Tr mở chiếc túi trộm cắp số tiền 356.000 đồng của chị Nguyễn Thị D. Tuy giá trị tài sản bị cáo trộm cắp lần này dưới 2.000.000 đồng nhưng ngày 31/3/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Th, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản nên hành vi trộm cắp tài sản lần này của bị cáo phải bị xử lý về hình sự. Do vậy hành vi trên của bị cáo Tr đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, xâm hại đến trật tự công cộng, gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe, có trình độ học vấn nhất định, nhận thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo Tr là người có nhân thân xấu, đã có 04 lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 01/4/2021, được trở về địa phương bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Giá trị tài sản trộm cắp lần này của bị cáo chưa đủ yếu tố định lượng để cấu thành tội trộm cắp tài sản, các tiền án của bị cáo được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm đã bị kết án về tội chiếm đoạt, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm do đó lần phạm tội này bị cáo Tr không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính

chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Song tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Chu Văn Tr đã tự nguyện bồi thường số tiền 400.000 đồng cho chị D, người bị hại không có yêu cầu gì khác, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là người lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAZELET, kiểu dáng nữ, màu sơn đỏ, BKS: 22H2 - 8456, số khung LXL 305Y1B-22649, số máy 150FMG-00469149, là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Lương Văn V, anh V không biết việc Tr đã sử dụng chiếc xe của anh V để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra cơ quan công an đã trao trả chiếc xe máy cho chủ sở hữu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- 01 chiếc ví màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 1.450.000 đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu của Chu Văn Tr, không liên quan đến hành vi phạm tội. Quá trình điều tra cơ quan công an đã trao trả cho chủ sở hữu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Số tiền 45.000 đồng là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nhưng bị cáo đã dùng tiền cá nhân của mình để bồi thường đủ số tiền trộm cắp cho chị D nên cần xem xét trả lại số tiền 45.000 đồng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Văn Tr (tên gọi khác Chu Văn Ch) phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chu Văn Tr 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 09/6/2021.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn Tr số tiền 45.000 đồng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 23/8/2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Chu Văn Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng)

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND xã M;
- Bị cáo; bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Phương